

Số: 37/2015/TT-BCT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định về mức giới hạn và việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài;

Căn cứ Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về mức giới hạn và việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định về mức giới hạn và việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may tiêu thụ trên thị trường Việt Nam. Danh mục sản phẩm dệt may được quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Sản phẩm dệt may không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này gồm:

a) Sợi, vải mộc chưa qua xử lý hoàn tất;

b) Hàng miễn trừ ngoại giao, hàng trong túi lãnh sự, tài sản di chuyển, quà biếu, quà tặng trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định tại Quyết định số 31/2015/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm dệt may tiêu thụ trên thị trường Việt Nam;

2. Tổ chức được Bộ Công Thương chỉ định và ủy quyền tham gia hoạt động kiểm tra nhà nước đối với hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may;

3. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ được hiểu như sau:

1. *Lô hàng hóa nhập khẩu*: là tập hợp các mặt hàng có số lượng xác định, thuộc cùng một bộ hồ sơ và được đăng ký kiểm tra trong cùng một lần. Lô hàng hóa có thể có một hoặc nhiều mặt hàng dệt may.

2. *Lô hàng hóa sản xuất*: là tập hợp sản phẩm được sản xuất trên cùng một dây chuyền công nghệ có cùng thông số kỹ thuật và được sản xuất cùng một đợt, được xác định về số lượng, có cùng nội dung ghi nhãn.

3. *Mặt hàng dệt may*: gồm các sản phẩm dệt may có cùng tên gọi, nhãn hiệu, cùng kiểu thiết kế và đặc tính kỹ thuật.

4. *Sản phẩm dệt may*: là sản phẩm có nguồn gốc chủ yếu từ các loại xơ, sợi tự nhiên hoặc nhân tạo, đã qua các công đoạn gia công thành sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải không dệt, vải tráng phủ thành phẩm, da tổng hợp hoặc các sản phẩm sản xuất từ sản phẩm nêu trên tùy thuộc vào các mục đích sử dụng.

5. *Sản phẩm dệt may cho trẻ em dưới 36 tháng tuổi*: là sản phẩm dệt may dành cho trẻ em từ sơ sinh đến dưới 36 tháng tuổi.

6. *Sản phẩm dệt may tiếp xúc trực tiếp với da*: là sản phẩm khi sử dụng có diện tích bề mặt sản phẩm tiếp xúc trực tiếp với da của con người.

7. *Sản phẩm dệt may không tiếp xúc trực tiếp với da*: là sản phẩm khi sử dụng có diện tích bề mặt sản phẩm không tiếp xúc trực tiếp với da của con người.

8. *Mẫu* gồm 02 loại:

a) *Mẫu đại diện*: là mẫu được lấy ngẫu nhiên từ một mặt hàng đảm bảo đại diện cho mặt hàng đó trong lô sản phẩm, lô hàng hóa.

b) *Mẫu xác suất*: là mẫu được lấy bất kỳ từ một sản phẩm trong lô sản phẩm/ lô hàng hóa.

9. *Kiểm tra thông thường*: là hình thức kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ với lô hàng, lấy mẫu thử nghiệm, đánh giá kết quả kiểm tra, cấp thông báo kết quả kiểm tra nhà nước.

10. *Kiểm tra giảm*: là hình thức kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ với lô hàng, lấy mẫu thử nghiệm theo phương thức lấy mẫu giảm, đánh giá kết quả kiểm tra, cấp thông báo kết quả kiểm tra nhà nước.

11. *Kiểm tra hồ sơ*: là hình thức kiểm tra tính phù hợp của hồ sơ với lô hàng, cấp thông báo kết quả kiểm tra nhà nước.

12. *Kiểm tra xác suất*: là hình thức kiểm tra theo kế hoạch hoặc đột xuất trong năm đối với sản phẩm được áp dụng hình thức kiểm tra hồ sơ. Kết quả kiểm tra được thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Chương II

TỔ CHỨC THAM GIA KIỂM TRA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HÀM LƯỢNG FORMALDEHYT VÀ AMIN THƠM CHUYỂN HÓA TỪ THUỐC NHUỘM AZO TRONG SẢN PHẨM DỆT MAY

Điều 4. Yêu cầu đối với tổ chức tham gia kiểm tra nhà nước

1. Bộ Công Thương chỉ định tổ chức thực hiện hoạt động thử nghiệm/ giám định/ chứng nhận khi tổ chức đáp ứng các quy định tương ứng tại Điều 11, Điều 12, Điều 14 Thông tư số 48/2011/TT-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Công Thương quy định quản lý chất lượng các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương (sau đây gọi là Thông tư số 48/2011/TT-BCT).

2. Bộ Công Thương ủy quyền tổ chức thực hiện kiểm tra nhà nước khi tổ chức giám định/ chứng nhận đã được chỉ định theo quy định tại Khoản 1 Điều này và đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Có phòng thử nghiệm được chỉ định theo khoản 1 Điều này;

b) Hoặc ký hợp đồng thuê thầu phụ với tổ chức thử nghiệm đã được chỉ định theo quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Hoặc ký hợp đồng thuê thầu phụ với tổ chức thử nghiệm nước ngoài không hoạt động tại Việt Nam được Bộ Công Thương thừa nhận kết quả theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 5. Trình tự, thủ tục chỉ định tổ chức tham gia hoạt động kiểm tra nhà nước

Tổ chức có nhu cầu tham gia hoạt động kiểm tra nhà nước đối với hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may nhập khẩu lập 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương.

1. Hồ sơ đăng ký

a) Giấy đăng ký tham gia hoạt động kiểm tra nhà nước theo quy định tại mẫu 1 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh sách thử nghiệm viên/giám định viên/ chuyên gia đánh giá của đơn vị được lập theo quy định tại mẫu 2 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Danh mục các tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình thử nghiệm/ giám định/ chứng nhận đối với hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may được lập theo quy định tại mẫu 3 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Bản sao chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện) hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp): Các Chứng chỉ công nhận đáp ứng các yêu cầu quy định phù hợp với lĩnh vực hoạt động thử nghiệm/ giám định/ chứng nhận (kèm theo Quyết định và phụ lục nếu có) do tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận hợp pháp nước ngoài là thành viên của Hiệp hội Công nhận phòng thí nghiệm quốc tế (ILAC), hoặc Hiệp hội Công nhận phòng thí nghiệm Châu Á - Thái Bình Dương (APLAC) (hoạt động thử nghiệm hoặc giám định)/ Diễn đàn công nhận quốc tế (IAF), hoặc Hiệp hội Công nhận Thái Bình Dương (PAC) (nếu có);

đ) Tài liệu về quản lý hệ thống chất lượng tương ứng cho tổ chức thử nghiệm/ giám định/ chứng nhận;

e) Tài liệu hiệu chuẩn phương tiện đo (đối với tổ chức thử nghiệm) theo quy định của pháp luật.

2. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ đăng ký

a) Không quá 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Bộ Công Thương tiến hành xem xét hồ sơ đăng ký và có thông báo bằng văn bản nếu hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ;

b) Không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ Công Thương thành lập Hội đồng đánh giá năng lực thực tế của tổ chức đăng ký;

c) Không quá 60 (sáu mươi) ngày làm việc kể từ khi thành lập Hội đồng đánh giá, Bộ Công Thương tổ chức thực hiện đánh giá năng lực của tổ chức đăng ký;

d) Không quá 05 (năm) ngày làm việc sau khi đánh giá và căn cứ vào Biên bản đánh giá năng lực thực tế đạt yêu cầu, Bộ Công Thương ban hành Quyết định chỉ định và ủy quyền cho tổ chức tham gia hoạt động kiểm tra nhà nước đồng thời công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương. Trường hợp từ chối việc chỉ định, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Thời hạn hiệu lực của Quyết định chỉ định và ủy quyền không quá 03 (ba) năm kể từ ngày ký.

3. Gia hạn thời gian tham gia hoạt động kiểm tra nhà nước

03 (ba) tháng trước khi Quyết định chỉ định hết hiệu lực, tổ chức đã được Bộ Công Thương chỉ định và ủy quyền có nhu cầu gia hạn thời gian tham gia hoạt động kiểm tra nhà nước lập 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương. Cụ thể như sau:

a) Trường hợp chỉ gia hạn không thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực hoạt động, tổ chức có văn bản đăng ký tham gia hoạt động kiểm tra nhà nước theo quy định tại mẫu 1 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này (ghi rõ yêu cầu gia hạn) kèm theo báo cáo hoạt động trong 03 (ba) năm gần nhất gửi Bộ Công Thương;

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Bộ Công Thương kiểm tra hồ sơ và ban hành Quyết định gia hạn. Trường hợp từ chối, Bộ Công Thương thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Thời hạn hiệu lực của Quyết định gia hạn không quá 03 (ba) năm.

b) Trường hợp có nhu cầu thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực hoạt động

Tổ chức lập 01 (một) bộ hồ sơ đề nghị thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực hoạt động tương ứng với từng hoạt động thử nghiệm/ giám định/ chứng nhận và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương. Hồ sơ bao gồm:

- Công văn đề nghị thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực kiểm tra nhà nước đối với hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may tương ứng với từng hoạt động thử nghiệm/ giám định/ chứng nhận (nội dung tương tự công văn đăng ký tham gia hoạt động kiểm tra nhà nước theo quy định tại mẫu 1 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này);

- Tài liệu hoặc hồ sơ kèm theo minh chứng cho nội dung đề nghị thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực hoạt động;

Trình tự kiểm tra, đánh giá và ban hành Quyết định chỉ định được tiến hành như quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 6. Trình tự và thủ tục thừa nhận kết quả thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm nước ngoài không hoạt động tại Việt Nam

1. Việc chỉ định tổ chức thử nghiệm nước ngoài không hoạt động tại Việt Nam tham gia hoạt động thử nghiệm đối với hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 26/2013/TT-BKHCN ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định yêu cầu, trình tự và thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài thực hiện đánh giá sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (Sau đây gọi là Thông tư số 26).

2. Tổ chức thử nghiệm nước ngoài không hoạt động tại Việt Nam lập 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 26 gửi về Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương.

3. Trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ và chỉ định tổ chức thử nghiệm nước ngoài không hoạt động tại Việt Nam của Bộ Công Thương được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 26. Thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định không quá 03 (ba) năm.

CHƯƠNG III MỨC GIỚI HẠN, PHƯƠNG PHÁP THỬ, TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC KIỂM TRA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HÀM LƯỢNG FORMALDEHYT VÀ AMIN THƠM CHUYỂN HÓA TỪ THUỐC NHUỘM AZO TRONG SẢN PHẨM DỆT MAY

Điều 7. Mức giới hạn hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may

1. Hàm lượng formaldehyt trong sản phẩm dệt may không được vượt quá giới hạn quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hàm lượng mỗi amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may không được vượt quá 30 (ba mươi) mg/kg. Danh mục các amin thơm quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 8. Phương pháp thử

1. Hàm lượng formaldehyt trong sản phẩm dệt may được xác định theo một trong các tiêu chuẩn phương pháp thử sau:

a) **TCVN 7421-1:2013**, Vật liệu dệt - Xác định formaldehyt - Phần 1: Formaldehyt tự do và thủy phân (phương pháp chiết trong nước), hoặc;

b) **ISO 14184-1:2011**, Textiles - Determination of formaldehyde - Part 1: Free and hydrolized formaldehyde (water extraction method).

2. Hàm lượng amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trên vật liệu dệt trong sản phẩm dệt may được xác định theo các tiêu chuẩn phương pháp thử sau:

a) **ISO 24362-1:2014**, Vật liệu dệt – Phương pháp xác định các amin thơm chuyển hóa từ các chất màu azo – Phần 1: Phát hiện việc sử dụng các chất màu azo bằng cách chiết và không cần chiết xơ (*Textiles - Methods for determination of certain aromatic amines derived from azo colorants - Part 1: Detection of the use of certain azo colorants accessible with and without extracting the fibres*) và **ISO 24362-3:2014**, Vật liệu dệt – Phương pháp xác định các amin thơm chuyển hóa từ các chất màu azo – Phần 3: Phát hiện việc sử dụng một số chất màu azo có thể giải phóng ra 4-aminoazobenzen (*Textiles - Methods for determination of certain aromatic amines derived from azo colorants - Part 3: Detection of the use of certain azo colorants, which may release 4-aminoazobenzene*), hoặc;

b) **EN 14362-1:2012**, Vật liệu dệt – Phương pháp xác định các amin thơm chuyển hóa từ các chất màu azo – Phần 1: Phát hiện việc sử dụng các chất màu azo bằng cách chiết và không cần chiết xơ (*Textiles - Methods for determination of certain aromatic amines derived from azo colorants - Part 1: Detection of the use of certain azo colorants accessible with and without extracting the fibres*) và **EN 14362-3:2012**, Vật liệu dệt – Phương pháp xác định các amin thơm chuyển hóa từ các chất màu azo – phần 3: Phát hiện việc sử dụng một số chất màu azo có thể giải phóng ra 4-aminoazobenzen (*Textiles - Methods for determination of certain aromatic amines derived from azo colorants - Part 3: Detection of the use of certain azo colorants, which may release 4-aminoazobenzene*).

Điều 9. Lấy mẫu

1. Quy cách lấy mẫu

Mẫu được lấy phục vụ thử nghiệm hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may là mẫu không bị dính bẩn (đất, dầu, mỡ...) và được thực hiện như sau:

a) *Đối với vải*: Chiều dài mẫu là 0,5 (không phải năm) m, chiều rộng là cả khổ vải và cách đầu tấm vải ít nhất bằng chu vi của cuộn vải.

b) *Đối với sản phẩm là sợi, chỉ may đã qua xử lý hóa học và các nguyên phụ liệu*: Khối lượng mẫu ít nhất 50 (năm mươi) gram. Mẫu được lấy sau khi bóc bỏ lớp ngoài cùng đối với mẫu dạng côn, búp hoặc lấy mặt trong của con sợi, chỉ dạng guồng.

c) *Đối với sản phẩm may, chi tiết phụ kiện, chi tiết trang trí bằng da tổng hợp trên sản phẩm may và sản phẩm đặc thù có bề mặt bằng vật liệu dệt đã gắn vào sản phẩm như thảm, rèm, đệm giường, đệm sofa, ghế*: Lấy mẫu sản phẩm từ lô hàng, hoặc;

Mẫu vật liệu, chi tiết phụ kiện, chi tiết trang trí do nhà sản xuất cung cấp kèm theo văn bản xác nhận (bản chính có đóng dấu và chữ ký của đại diện nhà sản xuất hoặc bên bán hàng) các mẫu được lấy là vật liệu dùng để sản xuất các sản phẩm trên.

2. Bảo quản mẫu

Mẫu lấy xong phải được bao gói trong túi hoặc màng polyetylen có độ bền cao để tránh nhiễm bẩn. Mẫu được niêm phong theo quy định của pháp luật.

3. Số lượng mẫu

a) Phương thức kiểm tra thông thường

- Đối với vải: Mỗi màu/ mỗi loại lấy 01 (một) mẫu.

- Đối với sản phẩm là sợi, chỉ may đã qua xử lý hóa học và các nguyên phụ liệu: Mỗi màu, mỗi kiểu/loại lấy 01 (một) mẫu.

- Đối với sản phẩm may, chi tiết phụ kiện, chi tiết trang trí bằng da tổng hợp trên sản phẩm may và sản phẩm đặc thù có bề mặt bằng vật liệu dệt đã gắn vào sản phẩm như thảm, rèm, đệm giường, đệm sofa, ghế: Mỗi màu/ mỗi loại lấy 01 (một) sản phẩm hoặc 01 (một) mẫu vật liệu.

- Đối với các lô hàng hóa là hàng tồn kho, hàng vét (có nhiều loại vải khác nhau, kích thước các cây vải, bao vải, kiện hàng không đồng nhất), tỷ lệ và số lượng mẫu được lấy như sau:

+ Trường hợp lô hàng có số lượng cây vải/ bao/ kiện hàng nhỏ hơn hoặc bằng 500 (năm trăm): lựa chọn ngẫu nhiên 3 (ba) % trong tổng số cây vải/ bao/ kiện hàng có trong lô hàng, lấy một mẫu đại diện từ mỗi cây vải/ bao/ kiện hàng đã lựa chọn;

+ Trường hợp lô hàng có số lượng cây vải/ bao/ kiện hàng lớn hơn 500 (năm trăm): Lựa chọn ngẫu nhiên 15 (mười lăm) trong 500 (năm trăm) cây vải/ bao/ kiện hàng và 2 (hai) % trong số cây vải/ bao/ kiện hàng còn lại (sau khi lấy 500 (năm trăm) cây vải/ bao/ kiện hàng) có trong lô hàng, lấy một mẫu đại diện từ mỗi cây vải/ bao/ kiện hàng đã lựa chọn.

- Đối với lô hàng gồm nhiều mã hàng dệt may, mỗi mã hàng không quá 5 (năm) sản phẩm và tổng lô hàng có không quá 200 (hai trăm) sản phẩm: lấy 01 (một) mẫu đại diện ngẫu nhiên cho mỗi mặt hàng trong lô hàng.

b) Phương thức lấy mẫu giảm (giảm số lượng mẫu)

- Đối với vải: Mỗi màu lấy 01 (một) mẫu.

- Đối với sản phẩm là sợi, chỉ may đã qua xử lý hóa học và các nguyên phụ liệu: Mỗi màu lấy 01 (một) mẫu.

- Đối với sản phẩm may, chi tiết phụ kiện, chi tiết trang trí bằng da tổng hợp trên sản phẩm may và sản phẩm đặc thù có bề mặt bằng vật liệu dệt đã gắn

vào sản phẩm như thảm, rèm, đệm giường, đệm sofa, ghế: Mỗi mẫu lấy 01 (một) sản phẩm hoặc 01 (một) mẫu vật liệu.

- Đối với các sản phẩm khác: vải, sợi, chỉ may đã qua xử lý hóa học, nguyên phụ liệu dùng cho sản phẩm may và hàng tồn kho, hàng vét, ... số lượng mẫu lấy từ 30 (ba mươi) % đến không quá 50 (năm mươi) % so với phương án lấy mẫu thông thường.

Điều 10. Trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước đối với sản phẩm dệt may sản xuất trong nước

1. Việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may sản xuất trong nước thực hiện theo quy định tại Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Thông tư số 48/2011/TT-BCT.

2. Trình tự, thủ tục kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may sản xuất trong nước được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Thông tư số 48/2011/TT-BCT.

Điều 11. Hình thức và hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước đối với sản phẩm dệt may nhập khẩu

1. Việc kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may nhập khẩu được thực hiện với các hình thức: kiểm tra thông thường, kiểm tra giảm, kiểm tra hồ sơ và kiểm tra xác suất.

a) Kiểm tra thông thường

Các trường hợp sau đây áp dụng hình thức kiểm tra thông thường:

- Sản phẩm dệt may nhập khẩu, hoặc;
- Trong quá trình đánh giá chất lượng sản phẩm của các lô hàng nhập khẩu theo chế độ kiểm tra giảm hoặc kiểm tra hồ sơ phát hiện lô hàng không đảm bảo chất lượng thì áp dụng hình thức kiểm tra thông thường.

b) Kiểm tra giảm

Đối với sản phẩm dệt may nhập khẩu cùng một mặt hàng, mã hàng do cùng một nhà sản xuất cung cấp, sau 3 (ba) lần kiểm tra chất lượng liên tiếp tại một tổ chức được ủy quyền, các lô hàng đều đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Thông tư này, thì được áp dụng hình thức kiểm tra giảm, trừ trường hợp được quy định tại điểm a khoản này.

c) Kiểm tra hồ sơ

Các trường hợp sau đây được áp dụng hình thức kiểm tra hồ sơ:

- Sản phẩm dệt may nhập khẩu phục vụ nghiên cứu khoa học hoặc làm hàng mẫu; hàng tham gia triển lãm, hội chợ; vải nhập khẩu phục vụ gia công, sản xuất hàng hóa xuất khẩu và vải nhập khẩu là nguyên liệu của doanh nghiệp chế xuất sau khi kết thúc hợp đồng và chuyển sang tiêu thụ nội địa: không quá 30 (ba mươi) m/mẫu vải/màu hoặc 05 (năm) sản phẩm/mẫu;

- Sản phẩm dệt may nhập khẩu phục vụ các mục đích sử dụng đặc biệt cho an ninh, quốc phòng, y tế, nhân đạo, giao thông vận tải, sản xuất công nghiệp, các sự kiện về văn hóa hoặc đối ngoại;

- Sản phẩm dệt may nhập khẩu đã có chứng chỉ và được dán Nhãn sinh thái của nước sản xuất hoặc xuất khẩu theo Danh mục quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Lô hàng gồm các sản phẩm dệt may hoàn chỉnh, có không quá 03 (ba) loại hàng hóa và 02 (hai) sản phẩm/mỗi loại hàng hóa (lô hàng nhỏ), có tần xuất nhập khẩu không quá 02 (hai) lần/tháng;

- Lô hàng gồm các sản phẩm nhập khẩu đã có kết quả thử nghiệm do tổ chức thử nghiệm nước ngoài (không hoạt động tại Việt Nam) được Bộ Công Thương thừa nhận kết quả đạt yêu cầu theo quy định tại Thông tư này;

- Vải bán thành phẩm và các nguyên phụ liệu nhập khẩu từ 10 (mười) lô hàng hóa trở lên trong thời gian tối đa 06 (sáu) tháng liên tiếp thực hiện kiểm tra nhà nước tại cùng một tổ chức được ủy quyền đều đạt yêu cầu theo quy định tại Thông tư này;

- Các thương hiệu/ hãng/ công ty sản xuất sản phẩm dệt may có hệ thống quản lý hóa chất bị hạn chế sử dụng và quy trình đảm bảo chất lượng liên quan đến việc kiểm soát chuỗi sản xuất toàn cầu, ngoài hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều này bổ sung một số tài liệu sau:

+ Tài liệu liên quan đến hệ thống quản lý hóa chất bị hạn chế sử dụng;

+ Quy trình đảm bảo chất lượng liên quan đến việc kiểm soát chuỗi sản xuất qua các công đoạn: kiểm soát nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm, các nhà thầu phụ và hệ thống phân phối toàn cầu;

+ Chứng chỉ công nhận liên quan đến việc công nhận các hệ thống đảm bảo chất lượng của công ty mẹ và các nhà thầu phụ trong chuỗi cung ứng do các tổ chức công nhận được thừa nhận bởi các tổ chức công nhận của khu vực và quốc tế (ví dụ: ILAC/APLAC....) cấp;

+ Một số kết quả đánh giá sự phù hợp điển hình để làm bằng chứng minh họa cho quá trình kiểm soát chất lượng của một vài sản phẩm cụ thể.

d) Kiểm tra xác suất

Việc kiểm tra xác suất được thực hiện đối với các lô hàng trong thời gian áp dụng hình thức kiểm tra hồ sơ với tần suất tối thiểu 06 (sáu) tháng 01 (một) lần với các trường hợp:

- Theo kế hoạch kiểm tra nhà nước hàng năm đã được Bộ Công Thương phê duyệt;

- Theo thông tin phản ánh trên thị trường, cơ quan quản lý nhà nước sẽ có văn bản yêu cầu tổ chức được ủy quyền thực hiện tiến hành kiểm tra nhà nước đối với sản phẩm của tổ chức, cá nhân nhập khẩu mặt hàng tương ứng.

- Kinh phí thực hiện kiểm tra xác suất do tổ chức, cá nhân nhập khẩu được áp dụng hình thức kiểm tra xác suất chi trả theo quy định.

2. Hồ sơ đăng ký kiểm tra

a) Giấy đăng ký kiểm tra hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may nhập khẩu quy định tại mẫu 1 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản sao có đóng dấu sao y bản chính hoặc xác nhận của tổ chức, cá nhân nhập khẩu các giấy tờ sau: *Hóa đơn (Invoice)*; *Danh mục hàng hóa chi tiết kèm theo (Detailed Packing list)*; *Tờ khai hàng hóa nhập khẩu* (tổ chức, cá nhân nhập khẩu cung cấp bổ sung Tờ khai cho tổ chức được Bộ Công Thương chỉ định và ủy quyền kiểm tra nhà nước sau khi hoàn thành thủ tục mở Tờ khai hàng hóa nhập khẩu và trước khi tiếp nhận Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước);

c) Văn bản hoặc hồ sơ minh chứng cho lô hàng thuộc đối tượng được áp dụng hình thức kiểm tra hồ sơ, kiểm tra giảm (nếu có).

Điều 12. Trình tự, thủ tục kiểm tra

1. Nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra và lấy mẫu

a) Tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm dệt may nộp trực tiếp hoặc qua bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra cho tổ chức kiểm tra nhà nước được ủy quyền;

b) Khi được yêu cầu lấy mẫu, tổ chức, cá nhân nhập khẩu phối hợp với cơ quan Hải quan và tổ chức kiểm tra nhà nước được ủy quyền thực hiện việc lấy mẫu theo quy định tại Điều 9 thông tư này. Biên bản lấy mẫu quy định tại Mẫu 3 Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Trình tự kiểm tra

a) Đối với hình thức kiểm tra thông thường và kiểm tra giảm

Không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan kiểm tra được ủy quyền thông báo kế hoạch lấy mẫu cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu;

Không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được mẫu, cơ quan kiểm tra nhà nước được ủy quyền phải có thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra nhà nước;

Trường hợp kiểm tra giám, tổ chức cá nhân nhập khẩu thuộc doanh nghiệp được ưu tiên theo quy định tại Điều 8 và Điều 23 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi là Thông tư số 38/2015/TT-BTC) được đưa hàng về kho bảo quản. Khi có kết quả kiểm tra nhà nước sẽ tiến hành làm thủ tục thông quan chính thức.

b) Đối với hình thức kiểm tra hồ sơ

Không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan kiểm tra nhà nước được ủy quyền phải thông báo kế hoạch kiểm tra xác nhận sự phù hợp của lô hàng với hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu;

Không quá 01 (một) ngày làm việc kể từ khi kiểm tra sự phù hợp của hồ sơ đăng ký với lô hàng, cơ quan kiểm tra nhà nước được ủy quyền phải có thông báo bằng văn bản kết quả kiểm tra nhà nước.

Điều 13. Kết quả kiểm tra nhà nước

1. Trường hợp kết quả thử nghiệm của mẫu đại diện cho một mặt hàng đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư này thì mặt hàng đó được đánh giá là đạt yêu cầu.

2. Trường hợp kết quả thử nghiệm của tất cả các mặt hàng thuộc lô hàng đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư này, thì lô hàng được đánh giá là đạt yêu cầu.

3. Trường hợp kết quả thử nghiệm mẫu đại diện cho màu/mặt hàng thuộc lô hàng không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư này thì đánh giá màu/mặt hàng tương ứng với mẫu đại diện trên không đạt yêu cầu. Màu/mặt hàng không đáp ứng yêu cầu được xử lý theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

4. Trường hợp kết quả thử nghiệm của mẫu đại diện cho lô hàng tồn kho, hàng vét (có nhiều loại vải khác nhau, kích thước các cây vải, bao vải, kiện hàng không đồng nhất) không đáp ứng yêu cầu tại Thông tư này, thì toàn bộ lô hàng được đánh giá là không đạt yêu cầu và được xử lý theo quy định tại Điều 15 Thông tư này.

5. Kết quả kiểm tra xác suất là căn cứ để tiếp tục thực hiện hoặc hủy bỏ việc áp dụng phương thức kiểm tra hồ sơ.

6. Trả kết quả: Kết quả kiểm tra nhà nước được thông báo qua đường bưu điện hoặc trực tiếp cho tổ chức, cá nhân nhập khẩu hoặc cung cấp trực tiếp đến Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo quy định tại mục d, Khoản 3 Điều 6 Thông tư số 38/2015/TT-BTC.

Điều 14. Hình thức xử lý vi phạm

1. Đối với hành vi vi phạm quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước

Các hành vi vi phạm quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa đối với sản phẩm dệt may sản xuất trong nước, việc xử lý vi phạm thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

2. Đối với hành vi vi phạm quy định về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu

a) Với sản phẩm dệt may áp dụng hình thức kiểm tra thông thường

Thực hiện xử lý hành vi vi phạm theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 80/2013/NĐ-CP ngày 19 ngày 7 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (Sau đây gọi là Nghị định số 80/2013/NĐ-CP).

b) Với sản phẩm áp dụng các hình thức kiểm tra giảm, kiểm tra hồ sơ không đạt yêu cầu theo quy định tại thông tư này việc xử lý vi phạm thực hiện theo các hình thức sau:

- Thực hiện kiểm tra theo hình thức thông thường;

- Thực hiện xử lý vi phạm theo quy định tại mục a Khoản này.

3. Hành vi vi phạm của tổ chức được ủy quyền thực hiện kiểm tra nhà nước và tổ chức được chỉ định thực hiện hoạt động thử nghiệm được xử lý theo quy định tại Điều 20 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Điều 21 Nghị định số 80/2013/NĐ-CP. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ phạt cảnh cáo, tạm đình chỉ hoặc hủy bỏ Quyết định chỉ định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước

1. Vụ Khoa học và Công nghệ là cơ quan quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm của Bộ Công Thương có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý chất lượng của sản phẩm dệt may;

b) Chủ trì đánh giá, chỉ định, ủy quyền và quản lý các tổ chức kiểm tra nhà nước được ủy quyền;

c) Chủ trì đánh giá, thừa nhận kết quả thử nghiệm do các phòng thử nghiệm nước ngoài không hoạt động tại Việt Nam thực hiện;

d) Tiếp nhận, tổng hợp và xử lý thông tin từ thông báo hoạt động kiểm tra nhà nước và thông tin thị trường;

đ) Chịu trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này trong phạm vi cả nước;

e) Xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng năm, đột xuất đối với các tổ chức được chỉ định, tổ chức được ủy quyền kiểm tra nhà nước và tổ chức, cá nhân nhập khẩu được áp dụng hình thức kiểm tra hồ sơ;

g) Công bố danh sách các tổ chức kiểm tra nhà nước và tổ chức thử nghiệm nước ngoài được Bộ Công Thương thừa nhận kết quả trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương (MOIT), địa chỉ: www.moit.gov.vn.

2. Cục Quản lý thị trường có trách nhiệm:

Xây dựng kế hoạch, tổ chức và chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương kiểm tra, kiểm soát và xử lý hành vi vi phạm quy định đối với hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may theo quy định của pháp luật.

3. Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến và tổ chức hướng dẫn pháp luật, cung cấp thông tin về quy định hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng trên địa bàn;

b) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực được phân công thuộc địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức được Bộ Công Thương chỉ định và ủy quyền kiểm tra nhà nước

1. Tổ chức được Bộ Công Thương chỉ định và ủy quyền kiểm tra nhà nước hoạt động tại Việt Nam

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

b) Trong thời hạn hiệu lực của Quyết định chỉ định (03 năm), phải ít nhất 01 (một) lần tham gia chương trình thử nghiệm thành thạo, so sánh liên phòng đối với các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm dệt may quy định tại Thông tư này và báo cáo kết quả về Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương;

c) Báo cáo Bộ Công Thương về mọi thay đổi có ảnh hưởng tới năng lực hoạt động kiểm tra nhà nước đối với hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may đã đăng ký trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày có sự thay đổi;

d) Báo cáo ngay kết quả kiểm tra nhà nước đối với lô hàng nhập khẩu không đạt yêu cầu về Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương;

đ) Định kỳ 06 (sáu) tháng hoặc đột xuất khi có yêu cầu, báo cáo hoạt động theo Mẫu 1 Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này và gửi về Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương.

2. Tổ chức thử nghiệm nước ngoài được thừa nhận không hoạt động tại Việt Nam

- Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 15 của Thông tư số 26;

- Gửi thông báo và báo cáo hoạt động theo quy định về Bộ Công Thương (qua Vụ Khoa học và Công nghệ).

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu và sản xuất trong nước

1. Đảm bảo sản phẩm dệt may có mức giới hạn đối với hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo đạt yêu cầu quy định tại Thông tư này;

2. Lựa chọn tổ chức được Bộ Công Thương ủy quyền để giám định hoặc chứng nhận chất lượng hàng hoá do mình nhập khẩu;

3. Thu hồi, xử lý đối với hàng hóa không bảo đảm chất lượng;

4. Chấp hành việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 18. Quy định chuyển tiếp

1. Các tổ chức đã được chỉ định kiểm tra hàm lượng formaldehyt, các amin thơm có thể giải phóng ra từ thuốc nhuộm azo trong các điều kiện khử trên sản phẩm dệt may theo quy định tại Thông tư số 32/2009/TT-BCT ngày 05 tháng 11 năm 2009 của Bộ Công Thương về việc quy định tạm thời về giới hạn cho phép đối với hàm lượng formaldehyt, các amin thơm có thể giải phóng ra từ thuốc nhuộm azo trong các điều kiện khử trên sản phẩm dệt may (sau đây gọi là Thông tư 32) tiếp tục tham gia hoạt động giám định đối với hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may đến hết thời hạn hiệu lực tại Quyết định chỉ định nhưng không quá ngày 30 tháng 6 năm 2016.

2. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, cơ quan Hải quan chỉ thông quan khi tổ chức, cá nhân nhập khẩu xuất trình Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước đối với hàm lượng formaldehyt và amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm azo trong sản phẩm dệt may cho lô hàng nhập khẩu đạt yêu cầu theo quy định tại Thông tư này kèm theo hồ sơ nhập khẩu của lô hàng.

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2015
2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn phương pháp thử được viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới.
3. Thông tư này thay thế Thông tư số 32/2009/TT-BCT ngày 05 tháng 11 năm 2009 của Bộ Công Thương về việc quy định tạm thời về giới hạn cho phép đối với hàm lượng formaldehyt, các amin thơm có thể giải phóng ra từ thuốc nhuộm azo trong các điều kiện khử trên sản phẩm dệt may
4. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương (Vụ Khoa học và Công nghệ) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Tổng Cục Hải quan;
- Công báo VPCP;
- Cổng TTĐT: Chính Phủ, Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, KHCN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

(đã ký)

Cao Quốc Hưng

www.moit.gov.vn